

## CHƯƠNG I



ôm ấy chẳng thể nào đi dạo được. Thật ra, hồi sáng chúng tôi đã thơ thẩn ngoài vườn cây bụi trĩu lá một tiếng đồng hồ; nhưng sau bữa chính (khi không có khách, bà Reed thường dùng bữa sớm) gió đông rét mướt đã đem theo những đám mây u ám và cơn mưa lạnh thấu xương đến nổi vận động ngoài trời vào lúc này là điều không tưởng.

Tôi lấy thế làm mừng: tôi chẳng bao giờ thích đi dạo đường dài, đặc biệt là vào những buổi chiều lạnh lẽo: tôi phát ón cái cảnh về nhà lúc trời chập choạng rét căm căm, ngón tay lẫn ngón chân tê buốt, còn trong lòng thì buồn rười rượi vì những lời mắng mỏ của cô bảo mẫu Bessie, cùng với nỗi tự ti vì biết thể chất mình yếu kém so với Eliza, John và Georgiana Reed.

Lúc này, mấy đứa Eliza, John và Georgiana đang xúm quanh mẹ của chúng trong phòng khách: bà nằm dài trên ghế sofa bên lò sưởi, trông hạnh phúc viên mãn cùng những đứa con đáng yêu quây quần xung quanh (tạm thời không sinh sự hay khóc lóc). Riêng tôi thì bà miễn cho khỏi cần góp mặt; bà bảo rằng, “bà rất lấy làm tiếc vì cần giữ khoảng cách với tôi; nhưng phải đợi chừng nào bà nghe chị Bessie nói và chính bà quan sát thấy rằng tôi đang nghiêm túc rèn luyện để có được tính khí chan hòa và hồn nhiên hơn, cư xử duyên dáng và hoạt bát hơn – một vẻ gì đó nhẹ nhàng, thật thà, và tự nhiên hơn – còn tạm thời bà thực tình phải gạt bỏ tôi khỏi những đặc ân chỉ dành cho những đứa bé tươi vui, biết hài lòng”.<sup>1</sup>

---

1. Trong nguyên tác, có một số trường hợp dẫn gián tiếp lời thoại của nhân vật nhưng vẫn dùng dấu ngoặc kép như khi dẫn trực tiếp, nên bản dịch cũng giữ nguyên cách trình bày như vậy. [Mọi chú thích không ghi chú gì thêm đều là của người dịch.]

“Chị Bessie bảo cháu đã làm gì mới được chứ?” Tôi hỏi.

“Jane, ta chẳng ưa gì những đứa hay vắn vẹo, chất vắn; vả lại, trẻ con mà đối đáp với người lớn cái kiểu ấy nghe chướng lẩm. Đi chỗ khác ngồi; và câm miệng lại đến khi nào mà biết đường ăn nói để nghe”.

Giáp với phòng khách có một phòng điếm tâm: tôi lén vào đó. Trong phòng có một kệ sách: tôi bèn chiếm lấy một quyển, không quên chọn đúng quyển sách có tranh. Tôi leo lên ngồi trên bậu cửa sổ: co chân lên, ngồi xếp bằng như người Thổ; và sau khi kéo tấm rèm bằng nhung dạ đỏ lại gần như khép kín, tôi như được bao bọc trong một không gian riêng, tĩnh lặng gập bội.

Những nếp vải đỏ rũ xuống chắn hết tầm nhìn bên phải của tôi; còn bên trái là những ô kính trong suốt, che chắn nhưng không ngăn cách tôi với khung cảnh ảm đạm của tháng Mười một. Chốc chốc, trong lúc lật giở các trang sách, tôi lại chăm chú quan sát cảnh tượng chiều đông ấy. Xa xa là một màn sương và mây mù trắng xóa; gần hơn là thảm cỏ ướt đầm và cây bụi tả tơi vì gió bão đập vùi, mưa không ngừng trút xuống dữ dội trước luồng gió kéo dài thê thiết.

Tôi quay lại với quyển sách *Lịch sử các loài chim Anh quốc* của Bewick: thường tôi chẳng mấy để tâm đến phần chữ; vậy mà có một vài trang lời tựa – dù khi ấy chỉ là một đứa trẻ – tôi vẫn không thể hờ hững lướt qua. Các trang ấy nói về nơi cư trú mà các loài chim biển thường lui tới; về “những tảng đá và mỏm đá cô liêu” chỉ có loài chim này trú ngụ; về vùng duyên hải Na Uy, rải rác những cù lao nhỏ từ địa đầu phía nam, tức mũi Lindeness, hay Naze, cho đến Mũi Bắc:

*Nơi Bắc Đại Dương sục sôi những xoáy nước khổng lồ,  
Quanh các cù lao u sầu, trơ trọi  
Của xứ Thule viễn tận; và sóng cồn Đại Tây Dương  
Tràn vào giữa quần đảo Hebrides bão giông.<sup>1</sup>*

---

1. Đoạn thơ này được trích từ phân đoạn “Mùa thu” trong tác phẩm *Bốn mùa* (The Seasons, 1730) của nhà thơ Scotland James Thomson (1700–1748), rất được ưa chuộng vào hồi thế kỷ XVIII–XIX.



*Tôi leo lên ngồi trên bậu cửa sổ.*

Tôi cũng không khỏi chú ý tới đoạn văn gợi nhắc đến những bờ biển hoang vu ở Lapland, Siberia, Spitzbergen, Nova Zembla, Iceland, Greenland, với “không gian bao la của Vùng Bắc Cực và những vùng đìu hiu bao trùm bởi khoảng không âm đạm – đó là kho băng tuyết, nơi những thềm băng rắn tích tụ qua mùa đông suốt hàng bao thế kỷ, sáng lóa trên những đỉnh cao ngút ngàn của dãy Alps, bao quanh địa cực, và hội tụ mọi khắc nghiệt của cái lạnh tột cùng”. Tôi tự tạo cho mình những hình dung về các miền hoang địa trắng ấy: mờ ảo như mọi ý niệm còn chưa hiểu hết, lãng đãng mơ hồ trôi qua tâm trí trẻ thơ, nhưng lại gây ấn tượng sâu sắc đến lạ lùng. Lời văn trong những trang tựa đề ấy tự kết nối với những bức tranh vignette<sup>1</sup> kế tiếp, đem lại ý nghĩa cho tảng đá lẻ loi giữa biển sóng tung bọt trắng; cho con thuyền vỡ nát mắc cạn trên bờ biển hoang vắng; cho ánh trăng u lãnh hé nhìn qua những song mây, soi xuống một con tàu đắm đang dần chìm xuống.

Tôi không tài nào tả nổi thứ cảm xúc ám ảnh nơi sân nhà thờ hoang vắng, duy chỉ có tấm bia mộ khắc chữ; cánh cổng, hai cây cổ thụ, đường chân trời thấp thoáng, bức tường đổ nát bao quanh cùng vàng trắng lười liềm vừa nhô lên, báo hiệu hoàng hôn đang buông xuống.

Hai con tàu bất động trên mặt biển lặng như tờ, tôi cho là những bóng ma của biển.

Kẻ gian vác bọc chứa đồ ăn cấp sau lưng, tôi mau chóng bỏ qua: đó là một cảnh rừng rợn.

Đáng sợ không kém là vật màu đen, có sừng, ngòi biệt lập trên một tảng đá, dõi nhìn đám đông đang vây quanh giá treo cổ ở đằng xa.

Mỗi bức tranh kể một câu chuyện; thường là bí ẩn đối với trí tuệ non nớt và cảm năng chưa hoàn thiện của tôi, nhưng vẫn luôn có sức hấp dẫn mãnh liệt: hấp dẫn như những câu chuyện mà thi thoảng Bessie vẫn kể vào những buổi tối mùa đông chị bỗng nhiên cao hứng; sau khi mang bàn là và quần áo đến trước lò sưởi trong phòng trẻ, chị cho phép chúng tôi ngồi quây quần xung quanh,

---

1. Kiểu tranh khắc minh họa trong sách không có đường viền đóng khung.

và trong lúc là những diềm đăng-ten của bà Reed, ép nép phần viền mũ ngủ của bà, chị lại mớm vào sự chăm chú đầy háo hức của chúng tôi những mẫu chuyện diễm tình và phiêu lưu rút ra từ những truyện cổ tích xa xưa cùng những truyện thơ còn xưa hơn nữa; hoặc (sau này tôi mới phát hiện ra) từ những trang sách của cuốn *Pamela* và *Henry, Bá tước xứ Moreland*<sup>1</sup>.

Với quyển sách của Bewick trên đầu gối, tôi lấy làm sung sướng: ít nhất là sung sướng theo kiểu của tôi. Tôi không sợ gì cả, chỉ e bị phá bình, thế mà chưa gì nó đã đến. Cánh cửa phòng ăn bật mở.

“Ú òa! Bà cụ non Ủ Rũ!” Giọng John Reed gào toáng lên; rồi hấn khựng lại: căn phòng hình như không có ai.

“Con nhỏ ở chỗ quái nào nhỉ?” Hấn nói tiếp. “Lizzy, Georgy! (Gọi chị và em gái hấn) Con Joan<sup>2</sup> không có ở đây: mách mẹ là nó chạy ra ngoài mưa rồi – đồ súc sinh khốn kiếp!”

“May mà mình đã kéo rèm lại”, tôi nghĩ bụng; tha thiết mong sao hấn không phát hiện ra chỗ ẩn náu của mình: và đáng lẽ John Reed sẽ không tự tìm ra được; hấn vốn không tinh mắt cũng chẳng tinh ý; nhưng Eliza vừa ngó đầu vào cửa liền nói ngay: “Chắc chắn là nó ngồi trên bậu cửa sổ ấy, Jack”.

Thế là tôi lập tức chui ra, vì run sợ khi nghĩ đến cảnh bị tên Jack kia lôi đi xềnh xệch.

“Anh muốn gì?” Tôi hỏi, với thái độ rụt rè gương gạo.

“Phải nói là, ‘Câu muốn gì ạ, thưa cậu chủ Reed?’” Hấn đáp. “Tao muốn mày đến đây”; rồi ngồi xuống ghé bàn, hấn ra hiệu cho tôi lại gần, đứng trước mặt hấn.

John Reed là một nam sinh mười bốn tuổi; hơn tôi bốn tuổi, vì tôi mới lên mười; to xác và ục ịch so với tuổi, nước da thì xỉn màu, thiếu sức sống; các đường nét thô kệch trên bản mặt bự chảng,

---

1. Đây là hai trong số những tiểu thuyết tình cảm Anh ngữ ăn khách của thế kỷ XVIII, có nhan đề đầy đủ là *Pamela, hay phẩm hạnh được ban thưởng* (*Pamela, or Virtue Rewarded*, 1740) của Samuel Richardson (1689–1761) và *Chuyện chàng Henry, Bá tước xứ Moreland* (*The History of Henry, Earl of Moreland*, 1781) của John Wesley (1703–1791), phỏng lược từ tác phẩm *Chàng ngốc thượng lưu* (*The Fool of Quality*, 1765–1770) của Henry Brooke (1703–1783).

2. Một cách gọi khác của tên Jane.

tứ chi cụt mịch và bàn chân, bàn tay to bè. Hắn quen thói tọng đẫy thức ăn khi đến bữa, thành ra hắn đâm khó ở<sup>1</sup>, mất lờ đờ và má nung núc thịt. Lẽ ra lúc này hắn phải ở trường; nhưng mẹ hắn đã đón về nhà nghỉ một, hai tháng, "vì lý do sức khỏe". Thầy hiệu trưởng Miles quả quyết rằng hắn sẽ khỏe re nếu bớt ăn bánh ngọt và mút của nhà gửi cho; nhưng bà mẹ nữ lòng nào thừa nhận một ý kiến khó nghe như thế, bà ngả sang ý tưởng tệ hơn rằng sắc da vàng bủng của John là do học hành chuyên cần quá độ và có lẽ, do nhớ nhà đến héo hon.

John không mấy thương yêu mẹ và chị em ruột, đồng thời có ác cảm với tôi. Hắn ức hiếp và hành hạ tôi – không phải chỉ hai, ba lần một tuần, cũng không phải một, hai lần trong một ngày, mà là liên tục: từng dây thần kinh trong người tôi đều sợ hắn, từng thớ thịt trên người tôi đều co rúm lại khi hắn đến gần. Có những lúc tôi hoang mang trước nỗi kinh hoàng mà hắn khơi dậy, bởi tôi không có bất cứ nơi nào để bầu vịu hòng đối phó với những trò dọa nạt hay đòn đau của hắn; đám người hầu không muốn làm méch lòng cậu chủ bằng cách đứng về phía tôi mà chống lại hắn, còn bà Reed thì như mù như điếc về chuyện này: bà không bao giờ nhìn thấy hắn đánh đập hay nghe thấy hắn chửi rủa tôi, mặc dù thi thoảng hắn vẫn làm thế ngay trước mặt bà; tuy nhiên, sau lưng bà hắn lại càng làm tới.

Đã quen vâng lời John, tôi tiến gần đến chỗ hắn ngồi. Hắn mất khoảng ba phút thè lưỡi ra hết cỡ để chế nhạo tôi: tôi biết chỉ chút nữa thôi hắn sẽ động tay chân, và trong lúc dè chừng cú đòn giáng xuống, tôi dăm chiêu nhìn bộ dạng ghê tởm, xấu xí của kẻ sắp đánh mình. Không biết có phải hắn đọc thấy ý nghĩ ấy trên mặt tôi hay không; vì bỗng dưng, chẳng nói chẳng rằng, hắn giáng một đòn mạnh và đột ngột. Tôi loạng choạng, và khi lấy lại được thăng bằng, tôi lùi lại một, hai bước tránh xa cái ghế của hắn.

"Đây là vì mày ăn nói bố láo với mẹ tao lúc nãy", hắn nói, "cũng vì mày lén lút trốn sau rèm, và ánh mắt của mày cách đây hai phút, đồ khốn kiếp!"

---

1. Nguyên văn: *bilious* – tính từ chỉ người hay bần gắt, được cho là có liên quan đến bệnh tiêu hóa khi gan tiết ra quá nhiều mật vì ăn nhiều chất béo.

Đã quen bị John Reed mắng chửi, tôi không bao giờ có ý định đáp trả; tôi chỉ bận tâm làm sao để hứng chịu cú đòn chắc chắn sẽ giáng xuống sau lời nhục mạ.

“Mày vừa làm gì sau rèm đấy?” Hấn hỏi.

“Tôi đọc sách”.

“Đem sách ra đây”.

Tôi quay lại chỗ cửa sổ và đem quyển sách tới.

“Mày có quyền gì mà lấy sách của bọn tao; mày là đồ ăn nhờ ở đậu, mẹ tao bảo thế; mày làm gì có tiền; bố mày chả để lại một xu nào sất; đáng ra mày phải ăn xin, chứ không được ở đây với con nhà quý phái như bọn tao, được ăn uống như bọn tao, được mặc quần áo mà mẹ tao phải bỏ tiền ra cho. Giờ tao sẽ dạy bảo mày vì tội lục lọi kệ sách của tao: vì đây là sách của tao; cả cái nhà này là của tao, mà không thì mấy năm nữa cũng là của tao. Đi ra đứng cạnh cửa ra vào, tránh xa chỗ cái gương với cửa sổ ra”.

Tôi làm theo, mới đầu còn chưa biết hấn định làm gì; nhưng khi thấy hấn nâng quyển sách lên và đứng vào tư thế sẵn sàng liệng nó đi, theo bản năng tôi nhảy tránh sang một bên và kêu ré lên kinh hãi: nhưng không kịp nữa rồi; quyển sách đã lao đi, va thẳng vào tôi, thế là tôi ngã nhào, đập đầu vào cửa và bị rách da. Vết rách chảy máu, cảm giác đau nhói lên: nỗi kinh hoàng của tôi đạt tới đỉnh điểm; tiếp đến là những cảm xúc khác.

“Đồ dã man tàn bạo!” Tôi nói. “Mày chẳng khác gì quân giết người – mày chẳng khác gì bọn cai nô lệ – mày chẳng khác gì mấy ông hoàng La Mã!”

Tôi đã đọc *Lịch sử La Mã* của Goldsmith<sup>1</sup>, và đã hình thành quan điểm về Nero, Caligula,<sup>2</sup> vân vân. Trước đó tôi cũng đã ngâm so sánh trong đầu, nhưng chưa bao giờ nghĩ sẽ nói toạc ra như thế.

“Á à!” Hấn gào lên. “Nó vừa bảo tao thế cơ à? Bọn mày có nghe nó nói không, Eliza, Georgiana? Tao có nên mách mẹ không? Nhưng khoan hăng...”

---

1. *Lịch sử La Mã* (1769) của Oliver Goldsmith (1731–1774), tác phẩm đã được rút gọn để dùng trong trường học vào năm 1772.

2. Hai vị hoàng đế La Mã được coi là bạo chúa nổi tiếng trong lịch sử.

Hắn chạy bỏ về phía tôi: tôi cảm thấy tóc và vai mình bị túm giật: hắn đã dồn ép một kẻ cùng đường liêu lĩnh. Tôi thực sự thấy hắn là một tên bạo chúa, một kẻ sát nhân. Tôi cảm giác một, hai giọt máu từ trên đầu nhều xuống cổ, và thấy đau khổ nhức nhối: những cảm giác đó ngay lúc ấy đã át đi nỗi sợ, tôi đáp trả hắn một cách điên cuồng. Tôi không biết rõ mình đã dùng tay làm gì, nhưng hắn gọi tôi là “Đồ khốn! Đồ khốn!” và kêu la oai oái. Cứu viện chẳng đâu xa: Eliza và Georgiana đã chạy đi gọi bà Reed, người đã lên tầng; rồi bà tới hiện trường, theo sau là Bessie và cô hầu Abbot. Chúng tôi bị tách ra: tôi nghe thấy những giọng nói:

“Trời ơi là trời! Nó điên tiết hay sao mà lao vào cậu chủ John như thế!”

“Thật chưa từng thấy cảnh điên rồ nào như thế!”

Rồi bà Reed nói câu chốt: “Tống nó vào căn phòng đỏ, khóa cửa nhốt nó lại”. Bốn bàn tay lập tức tóm lấy tôi, và tôi bị nhấc bổng lên tầng.

## CHƯƠNG II



ôi kháng cự suốt dọc đường: một điều lạ đối với tôi, và vì vậy càng khắc sâu ác cảm mà Bessie và cô Abbot<sup>1</sup> đã sẵn có với tôi. Sự thật là, tôi đã hơi mất tự chủ; hay đúng hơn, không còn là chính mình, như cách nói của người Pháp: tôi nhận thức được rằng sự nổi loạn trong chốc lát đã khiến tôi phải chịu những hình phạt khác thường, và giống như bất kỳ tên nô lệ phản kháng nào khác, trong cơn cùng quẫn, tôi quyết tâm phải liều hết sức mình.

“Giữ tay cô ấy lại, chị Abbot; cô ấy cứ như một con mèo bị lên cơn vậy”.

“Đẹp mặt chưa! Đẹp mặt chưa!” Cô hầu của bà chủ kêu lên. “Cư xử thế là quá lắm, quý cô Eyre ạ, khi đánh một thiếu niên quý phái, con trai ân nhân của mình! Cậu chủ của cô đấy!”

“Cậu chủ! Sao hẳn lại là chủ của tôi? Tôi là người hầu đấy à?”

“Không; cô còn không bằng người hầu, vì cô chẳng làm gì mà lại được nuôi ăn. Nào, ngồi xuống đây, suy ngẫm lại về tâm địa xấu xa của mình đi”.

Lúc này họ đã đưa tôi vào căn phòng mà bà Reed vừa nói đến, xô tôi ngồi xuống một cái ghế đẩu; theo phản xạ tôi bật lên như cái lò xo; hai đôi bàn tay của họ liền tóm lấy tôi ngay.

---

1. Bessie là cách gọi tên thân mật (gọi tắt tên riêng Elizabeth), còn cô Abbot được gọi bằng họ có kèm danh xưng Miss là cách xưng hô lịch sự hơn. Dù họ đều là người hầu nhưng hai cách gọi tên khác nhau thể hiện quan hệ thân, sơ khác nhau của Jane Eyre với hai nhân vật này. Ngược lại, tuy còn ít tuổi nhưng Jane Eyre vẫn được hai người lớn tuổi hơn này gọi là Miss Jane hoặc Miss Eyre vì ít ra trên danh nghĩa, Jane là người có địa vị cao hơn. Vì vậy, người dịch cũng phải căn cứ vào những mối tương quan này để lựa chọn cách xưng hô phù hợp cho các nhân vật.

“Nếu cô không ngồi yên thì chúng tôi buộc phải trói cô lại đây”, Bessie nói. “Chị Abbot, cho tôi mượn dây nịt tất; dây nịt của tôi thì cô ấy giật đứt ra ngay”.

Cô Abbot quay đi để tháo sợi dây buộc từ một bên cẳng chân mập mạp. Hành động chuẩn bị dây trói này, cùng với nỗi nhục nhã càng dâng lên mà nó gợi ra, khiến cơn kích động của tôi vơi đi chút ít.

“Đừng tháo dây nịt”, tôi gào lên; “tôi sẽ không nhúc nhích nữa”.

Để chứng minh mình sẽ làm đúng thế, tôi dùng tay ghì cả người xuống ghế.

“Cô nên biết điều đi”, Bessie nói; và khi đã yên trí rằng tôi đã nguôi đi thật, chị mới buông lỏng tay ra; rồi cùng cô Abbot đứng khoanh tay, nhìn mặt tôi với vẻ hăm he ngờ vực như không tin rằng tôi đang tỉnh táo.

“Cô ấy chưa bao giờ làm thế cả”, cuối cùng Bessie nói trong khi quay sang cô hầu gái.

“Nhưng cô nàng đã sẵn cái nết ấy rồi”, cô hầu đáp. “Tôi vẫn hay thưa với bà chủ ý kiến của tôi về đứa trẻ này, và bà chủ cũng đồng ý. Nó là đứa ranh con nham hiểm; tôi chưa thấy đứa con gái nào mới ngần ấy tuổi mà đã nhiều mưu mô đến vậy”.

Bessie không đáp; nhưng ít lâu sau, chị quay sang nói với tôi:

“Này cô, cô phải biết rằng mình chịu ơn bà Reed: bà chủ nuôi cô; bà ấy mà rũ bỏ thì cô sẽ phải đến trại tế bần đấy”.

Tôi không biết nói gì để đáp lại những lời này: tôi chẳng lạ gì cái ý tứ ấy. Ngay từ những ký ức đầu tiên trong đời, tôi đã nghe những lời bóng gió đại loại thế. Câu mắng mỏ rằng tôi là đồ ăn nhờ ở đậu đã trở thành điệp khúc quen thuộc mơ hồ văng vẳng bên tai: rất đau đớn và có sức vùi dập nặng nề, nhưng chỉ loáng thoáng, không hoàn toàn nghe rõ. Cô Abbot nói chêm vào:

“Và cô chớ có tưởng rằng mình ngang hàng với các tiểu thư và cậu chủ Reed, vì bà chủ nhân từ cho phép cô được nuôi nấng cùng các cô cậu ấy. Sau này họ sẽ có khối tiền, còn cô thì tay trắng: cô phải biết thân biết phận mà nhún nhường, và cố gắng làm vừa lòng họ”.

“Chúng tôi nói thế chỉ vì muốn tốt cho cô thôi”, Bessie nói thêm, giọng không đến nỗi gay gắt. “Cô nên cố gắng tỏ ra dễ thương

và có ích, được vậy thì biết đâu cô sẽ có một mái nhà ở đây; nhưng nếu cô cứ cấu kính và thô lỗ, tôi chắc chắn bà chủ sẽ tổng khứ cô ra khỏi nhà đây”.

“Hoặc là”, cô Abbot nói, “Chúa sẽ trừng phạt nó: Ngài có thể đánh chết nó trong lúc nó đang ăn vạ, rồi thì nó sẽ đi đâu? Thôi, Bessie, chúng mình đi thôi: dù có các vàng tôi cũng chẳng thèm đổi lấy lòng dạ nó. Nay quý cô Eyre, hãy cầu nguyện khi còn lại một mình đi; vì nếu cô không sám hối, biết đâu sẽ có thứ xấu xa gì đó được thả xuống ống khói và bắt cô đi đây”.

Họ bỏ đi, đóng cửa, và khóa trái nó lại.

Căn phòng đó là một buồng ngủ không dùng đến, rất hiếm khi có người ngủ ở đây; đúng ra có thể nói là không bao giờ, trừ phi khách khứa bất ngờ kéo tới Dinh Gateshead khiến người ta phải huy động hết các phòng nghỉ trong nhà; thế nhưng đây lại là một trong những buồng ngủ rộng rãi và sang trọng nhất của dinh thự. Một chiếc giường với những cột trụ đồ sộ bằng gỗ nhạc ngựa, buồng màn gấm damask đỏ thẫm, nổi bật lên như một thánh điện ở chính giữa phòng; hai cửa sổ lớn lúc nào cũng buông màn, bị che khuất phân nửa bởi lớp rèm kéo tạo sóng và rèm buồng rủ bằng chất vải tương tự; thảm trải sàn màu đỏ tươi; cái bàn kê gần chân giường thì phủ khăn màu đỏ thẫm; tường màu da hươu nhạt phớt hồng; tủ quần áo, bàn trang điểm và những chiếc ghế tựa đều làm bằng gỗ nhạc ngựa lâu năm, được đánh sơn sẫm màu lóng bóng. Giữa những sắc trầm bao quanh ấy, bật lên màu trắng sáng của những tấm đệm và gối xếp chồng trên giường được phủ khăn trải bằng vải Marseilles trắng tuyết. Không kém phần nổi bật là một chiếc ghế bành bọc nệm đặt ở gần đầu giường, cùng sắc trắng, phía trước có đôn thấp để kê chân; và theo ý tôi, nó trông như một chiếc ngai vàng nhợt nhạt.

Căn phòng lạnh lẽo vì chẳng mấy khi lò sưởi được nhóm lên; nó yên tĩnh, vì ở xa phòng trẻ và nhà bếp; trang nghiêm, vì ai cũng biết là ít khi có người vào. Chỉ mỗi cô hầu phòng đến đây vào thứ Bảy để lau đi lớp bụi âm thầm tích tụ sau một tuần trên đồ đạc và những tấm gương; và chính bà Reed, định kỳ lâu lâu một lần, mới vào đây để kiểm tra những thứ đựng trong một ngăn kéo bí mật nào đó trong tủ quần áo, nơi cất giữ những cuộn

giấy da<sup>1</sup>, tráp đựng nữ trang của bà, cùng một bức tiểu họa của người chồng quá cố; và bí mật của căn phòng đó nằm ở những tủ sau chót ấy – thứ bùa phép đã giữ cho nó mãi cô quạnh bất chấp vẻ tráng lệ. Ông Reed qua đời đã chín năm: chính trong căn buồng này ông đã trút hơi thở cuối cùng; thi thể ông được quàn tại đây; linh cữu của ông được những người phu hộ tang khiêng đi từ đây; và kể từ ngày đó, một vẻ linh thiêng ám đạ đã bao trùm căn phòng, khiến nó hiếm khi bị xâm phạm. Chỗ ngồi của tôi, nơi Bessie và cô Abbot cay nghiệt đã bỏ tôi lại trong tình cảnh như bị đóng đinh tại chỗ, là một chiếc ghế bọc đệm thấp kiểu ottoman<sup>2</sup>, gần lò sưởi bằng đá cẩm thạch; cái giường sừng sững trước mặt; bên phải là tủ quần áo cao, sẫm màu, với những bóng mờ đứt đoạn phản chiếu trên mặt gỗ láng bóng; bên trái là những ô cửa sổ bị che kín mít; và giữa hai cửa sổ, một tấm gương lớn phản chiếu về uy nghi trống trải của chiếc giường cùng cả căn phòng. Tôi không chắc vừa rồi họ có khóa cửa hay không; và khi đủ gan để nhúc nhích, tôi đứng dậy, bước đến kiểm tra. Than ôi! Có: trên đời này không nhà tù nào có thể kiên cố hơn. Lúc quay lại, tôi phải đi ngang qua tấm gương; ánh mắt tôi như bị hút chặt vào đó, bắt giác dò xét khoảng không thăm thẳm hiện ra bên trong lớp kính. Trong khoảng rỗng hư ảo ấy, mọi vật đều trông có vẻ lạnh lẽo và u ám hơn so với thực tại; hình hài nhỏ bé xa lạ trong gương chăm chú nhìn tôi, với gương mặt trắng bệch, cánh tay nhợt nhạt lơ mờ trong khung cảnh âm u, đôi mắt long lanh đầy sợ hãi chuyển động trong khi mọi thứ khác đều bất động, hệt như một tinh linh thực sự: tôi thấy nó giống một trong những bóng ma tí hon, nửa tiên nửa yêu, mà theo những câu chuyện buổi tối của Bessie, chúng bước ra từ những khe lũng dương xỉ cô quạnh trên đồng hoang, hiện ra trước mắt những lữ khách đường khuya. Tôi quay về ghế ngồi.

---

1. Thời bấy giờ giấy da được dùng để viết các văn bản pháp lý quan trọng.

2. Kiểu ghế bọc đệm dày thường không có lưng tựa và thành ghế, du nhập từ Thổ Nhĩ Kỳ.

Cơn mê tín bám lấy tôi ở thời khắc đó; nhưng đây không phải lúc để nó giành lấy quyền kiểm soát: máu nóng trong tôi vẫn còn; tâm trạng của một kẻ nô lệ nổi loạn vẫn đang bao lấy tôi bằng vị đắng chát của nó; tôi phải gắng ngăn lại những dòng suy nghĩ đang ồ ạt chảy đến trước khi chịu khuất phục bởi hiện thực u ám.

Toàn bộ những thói bạo ngược hống hách của John Reed, toàn bộ thái độ thờ ơ kiêu kỳ của chị và em gái hắn, toàn bộ ác cảm của mẹ hắn, toàn bộ sự thiên vị của đám người hầu, hiện lên trong tâm trí nhiễu loạn của tôi như một thứ bùn lầy tối tăm trong giếng đục. Tại sao lúc nào tôi cũng phải chịu khổ cực, lúc nào cũng bị nạt nộ, lúc nào cũng bị đổ lỗi, vĩnh viễn là kẻ có tội? Tại sao tôi chẳng bao giờ có thể làm vừa lòng người khác? Tại sao mọi cố công lấy lòng bất cứ ai cũng đều vô ích? Eliza, kẻ cứng đầu và ích kỷ, thì được nể nang. Georgiana, kẻ hay cáu kỉnh vì được chiều quen thói, miệng lưỡi nhanh nọc, điệu bộ hỗn hào và ưa bới móc, lại được mọi người nhất loạt cung chiều. Về yêu kiều của nó, đôi má hồng và những lọn tóc vàng óng dường như đem lại niềm vui thích cho những ai nhìn chúng, và rồi chuộc lỗi cho mọi sai lầm của nó. John, không ai ngăn cản hắn chứ đừng nói đến trách phạt, dù cho hắn vụng cồ chim bồ câu, giết những con chim công bé xíu, xua chó chạy đuổi đàn cừu, tước sạch quả của những giàn nho trong nhà kính, và bứt nụ hoa trên những cây quý giá nhất của vườn ươm; hắn còn gọi mẹ hắn là "gái già"; đôi khi chửi rửa mẹ hắn vì nước da ngăm ngăm giống hết da hắn; tỏ ra trắng trợn không thèm đếm xỉa đến ý muốn của bà ta; không ít lần xé rách và làm hỏng áo lụa của bà ta; thế mà hắn vẫn là "cục cưng của mẹ". Còn tôi thì chẳng dám phạm lỗi: tôi cố gắng làm tròn mọi bổn phận; thế mà tôi bị coi là hư đốn và khó chịu, sung sả và lén lút, từ sáng đến trưa, từ trưa đến tối.

Đầu tôi vẫn còn đau nhức và rỉ máu vì cú đập mạnh cùng cú ngã hồi nãy: không ai trách mắng John vì đã cố tình đánh đập tôi vô cớ; thế mà vì tôi quay ra chống lại hắn để ngăn cản bạo lực phi lý, tôi phải gánh chịu sự phẫn nộ, trách tội của mọi người.

"Bất công! Bất công!" Lý trí trong tôi lên tiếng, bỗng chốc trở nên già dặn trước những kích thích gây đau đớn; và lòng quyết tâm cũng bị kích động không kém, xui khiến tôi phải dùng mưu chước

nào đó để thoát khỏi sự áp bức không thể chịu đựng nổi – như bỏ trốn, hoặc nếu không trốn được thì tuyệt thực, rồi bỏ mặc cho bản thân chết dần đi.

Tâm hồn tôi bản loạn xiết bao trong buổi chiều ảm đạm ấy! Đầu óc tôi rối bời hết cả, còn trái tim thì vùng lên phản kháng! Nhưng cuộc chiến nội tâm ấy diễn ra trong tâm trí ngây ngô u tối xiết bao! Tôi không sao trả lời nổi câu hỏi cứ không ngừng xoáy vào nội tâm – *tại sao* tôi phải khổ thế này: giờ đây sau một thời gian dài – tôi sẽ không nói là bao nhiêu năm, tôi mới nhìn thấy nó một cách rõ ràng.

Tôi là một kẻ lạc loài ở Dinh Gateshead: tôi chẳng giống bất kỳ ai ở đó; tôi không có điểm nào hòa hợp được với bà Reed hay với những đứa con của bà ta cùng đám hầu cận dưới trướng bà. Cứ cho là họ không yêu thương tôi, thì sự thực là tôi cũng đâu có thương yêu họ. Việc gì họ phải dành tình thương mến cho một kẻ không thể đồng cảm với bất kỳ ai trong bọn họ; một thứ dị chủng, đối nghịch với họ về tính cách, về năng lực, về thiên hướng; một kẻ vô dụng, không có khả năng phục vụ cho lợi ích của họ, càng không đóng góp thêm được lạc thú gì; một kẻ độc hại, dung dưỡng những mầm mống đầy hận thù phẫn uất về cách đối xử của họ, khinh bỉ năng lực suy xét của họ. Tôi biết, rằng nếu hồi ấy mình là một đứa trẻ vui tươi, sáng láng, vô tư, ưa vùi vĩnh, nghịch ngợm, thích nô đùa – thì dẫu tôi vẫn cứ là kẻ ăn bám và tứ cố vô thân như thế – bà Reed có lẽ đã vui lòng chịu đựng sự hiện diện của tôi hơn; lũ trẻ con bà có lẽ cũng đã thân mật hơn mà coi tôi như đồng bọn; đám người hầu có lẽ đã ít muốn lấy tôi ra làm kẻ gờ đầu chịu báng trong phòng trẻ hơn.

Ánh sáng ban ngày bắt đầu rời bỏ căn phòng đỏ; đã hơn bốn giờ chiều, và buổi chiều âm u đang dần lịm đi trong hoàng hôn ảm đạm. Tôi nghe tiếng mưa vẫn không ngừng đập vào cửa sổ nơi cầu thang, hòa với tiếng gió rít trong lùm cây phía sau dinh thự; người tôi lạnh ngắt như tảng đá, và dũng khí của tôi chùng xuống. Tâm trạng tủi hổ, ngờ vực và nổi cô độc trầm uất thường trực bấy lâu như đang tỏa hơi lạnh đập tắt chút tro than le lói của cơn phẫn nộ vừa lụi tàn. Ai cũng bảo tôi xấu xa, mà biết đâu lại đúng thế thật: vừa rồi tôi đã chẳng nảy ra ý định tuyệt thực đến chết đấy sao?

Đó đích thị là một tội lỗi: mà tôi có đáng chết không? Hay hằm mộ bên dưới thánh đường Gateshead kia thực sự là chốn gọi mời? Tôi nghe kể rằng ông Reed đã được an táng ở nơi ấy; ý nghĩ này khiến tôi nhớ đến ông, mãi mê nghĩ về điều đó và nỗi khiếp sợ cứ thế dần tích tụ. Tôi không thể nhớ nổi ông; nhưng tôi biết rằng ông là bác ruột của tôi – là anh trai của mẹ tôi – rằng ông đã đón tôi về khi tôi còn là đứa bé cô cút; và trong giờ phút lâm chung, ông đã yêu cầu bà Reed hứa sẽ nuôi dưỡng và chăm sóc tôi như con đẻ. Bà Reed có lẽ cho rằng mình đã giữ lời hứa ấy; và tôi dám chắc là bà đã hết sức giữ lời trong chừng mực bản tính bà cho phép: nhưng làm sao bà thực tâm ưa nổi một kẻ xâm phạm vào cuộc sống của mình mà không phải họ hàng máu mủ, cũng chẳng chút tâm giao nào với bà, sau khi chồng bà qua đời? Hẳn bà cảm thấy vô cùng ngán ngẩm khi bị ràng buộc bởi một lời hứa khiên cưỡng, khiến bà phải đóng vai trò phụ mẫu của một đứa trẻ xa lạ mà bà không yêu thương nổi, chứng kiến kẻ ngoại lai khó ưa thường trực xen vào gia đình mình.

Một ý nghĩ kỳ dị chợt lóe lên trong đầu tôi. Tôi không hề nghi ngờ – chưa từng nghi ngờ – rằng nếu bác Reed còn sống, chắc chắn bác sẽ đối tốt với tôi. Giờ đây, khi ngồi nhìn cái giường trắng toát cùng những bức tường bóng đổ – thi thoảng còn đưa ánh mắt như bị hấp hồn về phía tấm gương sáng mờ – tôi bắt đầu nhớ lại những điều từng nghe nói về người chết. Những linh hồn trần trở dưới mồ vì ý nguyện lúc lâm chung của họ bị làm trái, phải quay lại cõi trần để trừng trị kẻ bội ước và báo thù cho người bị vùi dập. Tôi rùng mình nghĩ rằng vong hồn bác Reed, không được yên nghỉ vì xót thương đứa con của em gái mình bị ngược đãi, biết đâu lại rời khỏi nơi tạm trú – hoặc trong hằm mộ nhà thờ, hoặc cõi nào khác của người quá cố – và hiện lên trước mặt tôi trong căn buồng này. Tôi lau nước mắt và nén tiếng sụt sịt, sợ rằng bất cứ dấu hiệu nào của nỗi đau buồn mãnh liệt có thể đánh thức một giọng nói siêu nhiên đến an ủi, hoặc khơi dậy từ nơi tấm tối một gương mặt tỏa ánh hào quang, cúi xuống nhìn tôi với niềm xót thương kỳ lạ. Ý tưởng ấy, nghe có vẻ an ủi về lý thuyết, nhưng tôi lại thấy thật kinh khủng nếu nó thành hiện thực: tôi cố hết sức dập tắt nó – cố giữ vững tinh thần. Lắc đầu cho tóc khỏi vướng vào mắt, tôi ngẩng

đầu lên và cố đánh bạo nhìn quanh căn phòng tối: đúng lúc ấy một tia sáng lóe trên bức tường. Tôi tự hỏi đó phải chăng là ánh trăng xuyên qua khe hở nào đó trên bức màn cửa sổ? Không; ánh trăng thì tĩnh, còn thứ này lại lay động: trong lúc tôi chăm chú nhìn, nó lướt lên trần nhà và rung rinh trên đầu tôi. Bây giờ thì tôi dễ dàng đoán ngay vệt sáng ấy chắc hẳn là ánh sáng từ ngọn đèn mà ai đó xách theo ở bên kia bãi cỏ; thế nhưng lúc bấy giờ, tâm trí tôi vốn đã chờ chực nổi kinh hoàng, thần kinh đã tá hỏa vì kích động, tôi nghĩ tia sáng lao nhanh kia là điềm báo một bóng ma nào đó sắp hiện ra từ cõi khác. Tim tôi đập thành thạch, đầu nóng ran lên; một tiếng động dội vào tai, mà tôi ngỡ là tiếng đập cánh: dường như có gì đó ở ngay gần; tôi cảm thấy như có áp lực đè nặng, bị nghẹt thở: sức chịu đựng sụp đổ; tôi lao đến cánh cửa và tuyệt vọng lắc mạnh ổ khóa. Có tiếng bước chân chạy tới dọc hành lang bên ngoài; chìa khóa được vặn mở; Bessie và Abbot bước vào.

“Cô Eyre, cô bị đau hả?” Bessie hỏi.

“Ồn ào kinh khủng khiếp! Nó làm tôi giật bắn người!” Abbot kêu lên.

“Cho em ra với! Cho em về phòng trẻ!” Tôi kêu gào. “Để làm gì? Cô bị đau hay sao? Cô vừa thấy gì à?” Bessie lại hỏi.

“Ôi! Em thấy một tia sáng, và em nghĩ có một con ma sắp tới đấy”. Lúc này tôi đã tóm lấy tay Bessie, và chị ấy cũng không giằng tay ra.

“Nó cố tình gào lên đấy!” Abbot tuyên bố với thái độ có phần khinh ghét. “Mà gào dữ thế cơ chứ! Nếu nó bị đau quá thì còn bỏ qua được, nhưng nó chỉ muốn chúng ta đến đây thôi: tôi biết thừa nó giở trò mà”.

“Có chuyện gì vậy?” Một giọng khác lên tiếng hỏi đầy nghiêm nghị; bà Reed đi tới dọc hành lang, mũ đội đầu xòe rộng, váy áo sột soạt có vẻ hùng hổ. “Abbot và Bessie, ta nhớ là đã ra lệnh nhốt Jane Eyre trong căn phòng đỏ cho đến khi đích thân ta đến gặp nó cơ mà”.

“Cô Jane gào to quá ạ, thưa bà”, Bessie biện bạch.

“Buông ra”, là câu trả lời duy nhất. “Buông tay Bessie ra, con nhỏ này: nghe cho kỹ đây, đừng hòng giở trò để thoát ra ngoài. Ta ghét thói gian ngoan trí trá, đặc biệt là ở trẻ con; ta có bốn phen



*Không; ánh trăng thì tĩnh, còn thứ này lại lay động:  
trong lúc tôi chăm chú nhìn, nó lướt lên trần nhà và rung rinh trên đầu tôi.*

phải cho mày thấy những mảnh khoe sẽ không có tác dụng gì đâu: bây giờ mày sẽ phải ở đây thêm một giờ nữa, với điều kiện là phải tuyệt đối nghe lời và im lặng thì ta mới thả ra”.

“Ôi thưa bác, xin hãy rủ lòng thương! Hãy tha cho con! Con không chịu được – xin hãy phạt con theo cách khác! Con sẽ chết mất nếu...”

“Im đi! Làm loạn lên như thế chỉ tỏ khiến người ta thấy gớm”; và hiển nhiên là bà ta thấy vậy. Trong mắt bà tôi là một diễn viên già đời; bà thực tình coi tôi là tổng hòa của những cơn nộ khí độc địa, tâm hồn đê tiện và thói hai mặt nguy hiểm.

Sau khi Bessie và Abbot rút lui, bà Reed, lúc ấy đã hết kiên nhẫn với nỗi đau đớn cuồng loạn và những tiếng khóc nức nở như điên dại của tôi, thô bạo đẩy tôi lùi lại và khóa cửa phòng, không dây dưa bàn cãi gì thêm. Tôi nghe tiếng váy áo sột soạt khi bà bỏ đi; và dường như ngay khi bà vừa đi khỏi, tôi liền ngất lịm: cơn hôn mê bất tỉnh khép lại cảnh tượng này.